

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/DS-PT

Ngày: 12-4-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng  
đất; tưới nước, tiêu nước  
trong canh tác

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tăng;

Ông Sỹ Danh Đạt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/4/2019, 12/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất; tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 03/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Phương T, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp A, xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Ngô Thanh L, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp A, xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp A, xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Thanh L, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp A, xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (theo văn bản ủy quyền ngày 02/4/2019).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện V.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hữu T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Phương T - Là nguyên đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Ông Ngô Phương T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do trước giải phóng cha mẹ cho ông T và các anh em trong gia đình sử dụng mở đường nước chung để canh tác, lúc đó ông T sử dụng đường nước này cho thửa đất giáp sông xáng phía trước. Đến năm 1990, các anh em không ai sử dụng nữa, nên san lấp đường nước. Lúc đó ông T cũng thống nhất không tranh chấp gì, vì ông T đặt ống bọng từ sông xáng vào đất của ông để sử dụng và bơm nước thuê cho các hộ phía sau sử dụng. Năm 2007, anh em trong gia đình đào đường nước bên đất của anh L, ông T mới đào thêm đường nước bên đất ông T, để sử dụng nước từ sông xáng vào đường nước ông T đào và dẫn nước qua đường nước mới đào bên đất anh L để cùng sử dụng chung. Từ năm 2007, ông T sử dụng đường nước này để dẫn vô phần đất ông T mua của ông B (phía sau hậu đất anh L). Năm 2016, do bên ông T và anh L có mâu thuẫn, ông T không bơm nước cho anh L sử dụng, nên anh L đã đắp đập chặn lại đường nước ở vị trí cuối đất ông T giáp với anh L; từ đó, ông T bơm nước từ sông xáng vô những rãnh nước trong vườn xoài của con gái ông T dẫn nước qua kênh thủy lợi vào đất mua của ông B để sử dụng đến nay. Đối với kênh thủy lợi này, những tháng khác nước chảy từ sông xáng vào sử dụng bình thường, tuy nhiên, đến mùa nước cạn khoảng tháng 2, 3 thì phải bơm, tốn kém (hiện nay xung quanh phần đất này của ông T có khoảng 7-8 hộ, từ trước đến nay cũng sử dụng kênh thủy lợi này để canh tác). Vì vậy, ông T yêu cầu anh L trả lại phần đất hiện nay là cái bờ anh L trồng xoài mà từ trước năm 1990 là đường nước sử dụng chung, diện tích 89,4m<sup>2</sup> thuộc một phần của thửa 25, tờ bản đồ 20 do anh L đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời, ông T yêu cầu để một mình ông sử

dụng chứ không cho 7-8 hộ giáp đất của ông T sử dụng, vì từ trước đến nay họ vẫn sử dụng kênh thủy lợi để sản xuất.

Trước đây, ông T yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 25, tờ bản đồ 20 do anh L đứng tên quyền sử dụng đất để cấp lại cho ông T. Tại phiên tòa, ông T rút toàn bộ yêu cầu này, không tranh chấp quyền sử dụng đất với anh L nữa.

Ông T chỉ yêu cầu anh L cho ông đào đường nước, để canh tác lúa trên diện tích 89,4m<sup>2</sup>. Đối với cây trồng có trên đất tranh chấp, ông T đồng ý trả giá trị cho anh L theo giá Hội đồng định giá.

- Anh Ngô Thanh L, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H trình bày: Phần đất tranh chấp do ông T1 cha của anh L đứng tên, đến ngày 11/11/2016 ông T1 sang tên lại cho anh L. Đối với đường nước là do ông Ngô Văn L (ông nội anh L) đào để sử dụng chung. Năm 1990, các chú của anh san lấp vì lúc đó đường nước này sử dụng không thuận tiện. Ông T đặt ống bọng bên đất ông T để sử dụng, còn anh L thì sử dụng nước từ kênh thủy lợi. Năm 2007, các chú của anh L đào đường nước bên đất anh L để sử dụng (sự việc giống như ông T trình bày). Năm 2016, ông T bơm nước vào mà không cho anh L sử dụng, nên anh L phải mua phần đất khác cặp sông xáng để đặt ống bọng vào đất của anh L, rồi anh đắp đập chặn ngang đường nước không cho ông T sử dụng chung. Đối với phần đất ông T mua của ông B, từ trước đến nay ông T sử dụng nước từ kênh thủy lợi để canh tác như những hộ xung quanh, nên anh L không đồng ý theo yêu cầu của ông T. Đối với cây trồng có trên đất, anh L đồng ý nhận giá trị theo giá hội đồng định giá đã định nếu chấp nhận yêu cầu của ông T.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Ngô Phương T về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 89,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần của thửa 25, tờ bản đồ 20 do anh Ngô Thanh L đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 11/11/2016, tọa lạc tại xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Phương T về việc tranh chấp về tưới nước, tiêu nước trong canh tác với anh Ngô Thanh L và chị Nguyễn Thị H đối với diện tích 89,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần của thửa 25, tờ bản đồ 20 do anh Ngô

Thanh L đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 11/11/2016, tọa lạc tại xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2018 và sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 25/6/2018 kèm theo).

Về án phí: Buộc ông Ngô Phương T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự. Được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ngày 09/11/2017 theo biên lai số 02020 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ngày 04/6/2018 theo biên lai số 0001606 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Ông Ngô Phương T được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Ngô Phương T phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), số tiền này ông T đã tạm nộp đủ và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 12 năm 2018, ông Ngô Phương T kháng cáo, yêu cầu anh Ngô Thanh L trả lại đường nước chung để dẫn nước vào đất của ông T để canh tác lúa.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết tranh chấp và không có cung cấp bổ sung chứng cứ mới.

+ Bị đơn: Đồng ý theo quyết định của bản án sơ thẩm và không có cung cấp bổ sung chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Phần đất tranh chấp diện tích 89,4m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 25 tờ bản đồ số 20. Tại phiên tòa ông T thừa nhận ông không còn sử dụng đường nước từ năm 1990, đất do anh L được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, trước khi ông B chuyển nhượng đất cho ông T thì ông B sử dụng đường nước từ kênh thủy lợi và hiện nay kênh thủy lợi vẫn được các hộ dân sử dụng dẫn nước để sản xuất, nên yêu cầu mở đường nước của ông T là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Ngô Thanh L đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H tham gia tố tụng; đại diện Ủy ban nhân huyện V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các thủ tục đều đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông Ngô Văn L (cha của ông T, ông nội của anh L), diện tích 89,4m<sup>2</sup> (ngang 02m, dài một cạnh 45,3m, một cạnh 45,45m) thuộc một phần thửa đất số 25 tờ bản đồ số 20, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L vào ngày 11/11/2016, đất tại xã Y, huyện V, Đồng Tháp. Trước đây, phần đất của ông L có đào đường nước để phục vụ tưới tiêu cho diện tích đất của ông L, đường nước này dẫn nước từ sông xáng vào để canh tác và phần đất tranh chấp là một phần đất đường nước để phục vụ cho diện tích đất ruộng mà ông T1 được hưởng của cha mẹ để lại, sau này ông T1 chuyển quyền sử dụng lại cho anh L. Theo ông T cho rằng, phần đất tranh chấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L là không đúng, nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận của anh L, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông T rút lại yêu cầu này mà chỉ yêu cầu xem xét cho ông được sử dụng 89,4m<sup>2</sup> đất để đào đường nước tưới tiêu cho diện tích đất của ông đã chuyển nhượng lại của ông B (đất này giáp với đường thủy lợi nội đồng và nằm phía hậu khu vực đất của ông T, được cha mẹ cho thể hiện tại biên bản khảo sát ngày 06/11/2018 của Tòa án huyện V).

[3] Ông T thừa nhận, phần đất của ông được cha mẹ chia giáp với sông xáng nên ông làm công tưới tiêu để lấy nước trực tiếp từ sông và tiêu nước ra sông nên không còn sử dụng đường nước (tại diện tích 89,4m<sup>2</sup>) nói trên từ năm 1990. Đồng thời, ông T thừa nhận, các anh em của ông thống nhất san lấp

đường nước cho anh L trồng cây ăn trái (hiện nay anh L vẫn sử dụng trồng cây ăn trái). Năm 2000, ông T chuyển nhượng đất của ông B và vẫn sử dụng đường thủy lợi nội đồng để sản xuất. Năm 2007, ông T và anh L mỗi người đào một phần đường nước trên đất của mình nối tiếp nhau để tạo thành đường dẫn nước chung, sử dụng chung, nhưng sau này ông T bơm nước không cho anh L sử dụng và đã xảy ra mâu thuẫn, nên không còn sử dụng chung đường nước này. Do đó, anh không đồng ý việc ông T yêu cầu được sử dụng phần đất tranh chấp (89,4m<sup>2</sup>) để đào đường nước.

[4] Qua nội dung trên cho thấy, trước đây đất của ông T, anh L đều có nguồn gốc là của ông L và có đường nước sử dụng tưới tiêu canh tác lúa. Sau khi chia đất cho ông T, ông T1 (cha của anh L) thì ông T1 giao đất cho anh L sử dụng, đồng thời đường nước được san lấp và từ đó mỗi người có đường nước riêng để canh tác. Ông T thừa nhận trước khi ông B chuyển nhượng đất cho ông thì ông B vẫn sử dụng đường thủy lợi nội đồng để canh tác, thực tế hiện nay đường thủy lợi nội đồng vẫn phục vụ tưới tiêu cho đất của các hộ khác và đất của ông T (đất chuyển nhượng của ông B). Mặt khác, đất thuộc quyền sử dụng của anh L và hiện tại anh L đang trồng cây ăn trái, do đó ông T yêu cầu anh L đốn cây ăn trái để ông đào đường nước là không phù hợp pháp luật.

[5] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh ý kiến: Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

Án sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T (điều chỉnh cách tuyên án).

[6] Về án phí: Ông T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Phương T.

Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Ngô Phương T về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 89,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần của thửa số 25, tờ bản đồ số 20, do anh Ngô Thanh L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 11/11/2016.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Phương T về tranh chấp việc tưới, tiêu nước trong canh tác với anh Ngô Thanh L và chị Nguyễn Thị H, cụ thể là yêu cầu được đào đường nước trên diện tích 89,4m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 25, tờ bản đồ số 20 do anh Ngô Thanh L đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 11/11/2016, đất tại xã Y, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/4/2018 và sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 25/6/2018).

4. Về án phí:

Ông Ngô Phương T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 600.000đ theo các biên lai số 02020 ngày 09/11/2017 và số 0001606 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Ông T được nhận lại số tiền còn thừa là 300.000đ.

Ông Ngô Phương T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 300.000đ theo biên lai số 0007104 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Ngô Phương T phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 900.000đ (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Dương sự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vạng**